

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **101/2025/DS-ST**
Ngày 20 – 9 – 2025
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Thái.

2. Ông Trương Văn Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ.

Ngày 20 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp đòi lại tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Trần Văn C**, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp M, phường M, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị **Phạm Thị D**, sinh năm 1991. Địa chỉ liên hệ: Khu V, phường N, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- Bị đơn:

1. Bà **Lê Thị C1**, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp M, phường M, thành phố Cần Thơ (có mặt).

2. Ông **Nguyễn Đoàn D1**. Địa chỉ: Ấp M, phường M, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

3. Ông **Nguyễn Văn K**. Địa chỉ: Ấp M, phường M, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Văn C, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là chị Phạm Thị D trình bày và yêu cầu như sau:

Tháng 4 năm 2018, anh Trần Văn C cho bà Lê Thị C1 và ông Nguyễn Văn T mượn 01 cây vàng 9999. Việc mượn vàng không có lập thành giấy tờ do là chỗ quen biết với nhau. Bà C1 và ông T hứa với anh C là khi nào ông có yêu cầu đòi lại thì bà C1 và ông T sẽ trả vàng. Tuy nhiên, sau đó anh C đã nhiều lần yêu cầu đòi lại số vàng này thì bà C1 và ông T không đồng ý trả mà còn thưa ông ra Ban

N. Tại buổi hòa giải của địa phương thì bà C1 thừa nhận còn nợ anh C 01 cây vàng 9999 và xin trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Anh C không đồng ý vì số vàng này đã cho nợ quá lâu, ông yêu cầu phải trả 01 lần nên hòa giải không thành. Hiện nay, ông Nguyễn Văn T đã chết, có vợ là bà Lê Thị C1 và 02 con là Nguyễn Đoàn D1 và Nguyễn Văn K.

Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Lê Thị C1, ông Nguyễn Đoàn D1, ông Nguyễn Văn K cùng có nghĩa vụ liên đới trả lại cho anh Trần Văn C 01 cây vàng 9999 và yêu cầu tính giá vàng theo giá thị trường tại thời điểm xét xử.

Ý kiến của bị đơn bà Lê Thị C1:

Bà thừa nhận vào tháng 4 năm 2018, bà và ông Nguyễn Văn T có mượn của anh Trần Văn C 01 cây vàng 9999, chưa trả. Ông Nguyễn Văn T đã chết ngày 18-4-2020 không để lại di chúc, có vợ là bà Lê Thị C1 và 02 người con là anh Nguyễn Đoàn D1 và Nguyễn Văn K. Vợ chồng chỉ có 01 căn nhà gắn liền trên đất hiện nay gia đình đang cư trú và 01 công đất ruộng ở phía sau nhà, tọa lạc tại khu vực M, phường M, thành phố Cần Thơ. Nay bà cũng đồng ý trả vàng theo yêu cầu của anh C nhưng do gia đình khó khăn nên xin giải quyết cho trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Ý kiến của các bị đơn anh Nguyễn Đoàn D1, anh Nguyễn Văn K:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các bị đơn này. Tuy nhiên, họ không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có ý kiến phản đối các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường M, thành phố Cần Thơ, trả lại tài sản (vàng) chiếm hữu qua giao dịch mượn tài sản. Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ) thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật giải quyết về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, các bị đơn anh Nguyễn Đoàn D1, anh Nguyễn Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Lê Thị C1 thừa nhận vào tháng 4 năm 2018, bà và chồng là Nguyễn Văn T (chết ngày 18-4-2020) có mượn của anh Trần Văn C 01 cây vàng 9999. Giá vàng tại thời điểm xét xử cũng được các bên thừa nhận là 11.650.000 đồng/chỉ. Nay bà C1 đồng ý trả cho anh C số vàng đã mượn nhưng do hoàn cảnh khó khăn, thu nhập thấp nên yêu cầu được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Trên cơ sở trình bày và thừa nhận giữa hai bên, HĐXX có cơ sở xác định bà Lê Thị C1, ông Nguyễn Văn T có mượn của ông Lê Văn C2 01 cây vàng 9999 để cho vay và góp hui. Việc cho mượn tài sản không làm văn bản và thỏa thuận rõ thời hạn mượn nhưng mục đích mượn tài sản đã đạt được mà bên mượn tài sản chưa trả lại tài sản đã mượn. Nay ông Nguyễn Văn T chết ngày 18-4-2020 không để lại di chúc, có vợ là bà Lê Thị C1 và các con gồm Nguyễn Văn K, Nguyễn Đoàn D1 thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T. Theo lời thừa nhận của bà C1 và xác nhận của những người làm chứng (BL 20 - 21), ông T và bà C1 có 01 công đất ruộng và 01 căn nhà gắn liền trên đất hiện nay do bà C1 và các con đang cư trú tại khu vực M, phường M, thành phố Cần Thơ. Do đó, nguyên đơn là bên cho mượn yêu cầu bên mượn phải trả lại tài sản đã mượn là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 499 của Bộ luật Dân sự nên được HĐXX chấp nhận.

[5] Về phạm vi thực hiện nghĩa vụ: Theo các đương sự trình bày và thừa nhận thì giao dịch mượn tài sản do bà Lê Thị C1 và ông Nguyễn Văn T cùng xác lập khi ông T còn sống. Nay ông T đã chết, phần nghĩa vụ của bà Lê Thị C1 do bà Lê Thị C1 tự mình thực hiện, phần nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn T do những người thừa kế là bà Lê Thị C1, anh Nguyễn Văn K, anh Nguyễn Đoàn D1 có trách nhiệm thực hiện trong phạm vi di sản do ông Nguyễn Văn T để lại, theo quy định tại Điều 615 của Bộ luật Dân sự.

[6] Xét yêu cầu của bị đơn bà Lê Thị C1 về việc trả dần mỗi tháng bằng số tiền 2.000.000 đồng: Theo quy định của pháp luật, khi đến hạn trả tài sản hoặc mục đích mượn tài sản đã đạt được thì bên mượn tài sản phải trả lại tài sản đã mượn. Phương thức trả dần bằng tiền chỉ được thực hiện nếu do cả hai bên tự nguyện thỏa thuận. Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn không đồng ý yêu cầu của bị đơn bà Lê Thị C1 nên HĐXX không có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, các bên vẫn có quyền thỏa thuận thực hiện tại giai đoạn thi hành án.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Văn C là có cơ sở nên được HĐXX chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Các bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 494, Điều 499, Điều 615 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc bị đơn bà Lê Thị C1 trả cho nguyên đơn anh Trần Văn C số tiền 58.250.000 đồng (giá trị của 0,5 cây vàng 9999 tại thời điểm xét xử).

- Buộc các bị đơn bà Lê Thị C1, anh Nguyễn Văn K, anh Nguyễn Đoàn D1, là những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn T, có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn anh Trần Văn C số tiền 58.250.000 đồng (là giá trị của 0,5 cây vàng 9999 tại thời điểm xét xử), thực hiện trong phạm vi sản mà ông Nguyễn Văn T chết để lại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn anh Trần Văn C không phải chịu án phí. Trả lại cho anh Trần Văn C số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.750.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000322 ngày 14-7-2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn bà Lê Thị C1 phải chịu số tiền án phí 2.912.500 đồng.

- Các bị đơn bà Lê Thị C1, anh Nguyễn Văn K, anh Nguyễn Đoàn D1 liên đới chịu số tiền án phí 2.912.500 đồng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 - Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Lâm